

Số: M/QĐ -CCS1

Ninh Bình, ngày 02 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024 CỦA PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1 TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng hành chính

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Phòng Công chứng số 1 (Có biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng hành chính, kế toán và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TRƯỞNG PHÒNG
Dặng Xuân Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Phòng công chứng số 1 tỉnh Ninh Bình

Chương: 414

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	600.000.000
I	Số thu phí, lệ phí	600.000.000
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	600.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại: trong đó	360.000.000
	Chi từ nguồn thu phí được để lại	290.000.000
	Chè nước cơ quan	6.000.000
	Chi thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ CB đơn vị	10.000.000
	Tiền điện	18.000.000
	Tiền nước	6.000.000
	Tiền cước phí điện thoại	6.000.000
	Văn phòng phẩm	12.000.000
	Vật tư văn phòng	12.000.000
	Sửa chữa điều hòa	9.000.000
	Sửa chữa máy photo	9.000.000
	Sửa chữa máy tính	9.000.000
	Sửa chữa đường điện	5.000.000
	Sửa chữa đường nước	5.000.000
	Chi mua hàng hóa vật tư (Biên lai, sổ sách....)	30.000.000
	Chi mua sách nghiệp vụ	30.000.000

	Chi phí nghiệp vụ ngành (nghiệp vụ công chứng)	6.000.000
	Tiền vé máy bay, tàu, xe	6.000.000
	Phụ cấp công tác phí	6.600.000
	Tiền thuê phòng ngủ	9.900.000
	Tiền khoán công tác phí	27.000.000
	Chi mua bảo hiểm nghề cho công chứng viên	20.000.000
	Chi tiếp khách	27.000.000
	Chi hỗ trợ các đoàn thể	15.000.000
	Chi các khoản khác	5.500.000
3	Nguồn năm trước chuyển sang	608.178.935
III	Số nộp ngân sách	240.000.000
1	Chi sự nghiệp	240.000.000
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.573.000.000
I	<i>Nguồn kinh phí chi thường xuyên không giao quyền tự chủ</i>	1.571.000.000
	Mục 6000: Tiền lương	742.000.000
	Lương ngạch, bậc	742.000.000
	Mục 6100: Phụ cấp lương	296.000.000
	Phụ cấp chức vụ	27.000.000
	Phụ cấp làm thêm giờ	203.000.000
	Phụ cấp trách nhiệm	61.000.000
	Phụ cấp Thủ quỹ, kế toán	5.000.000
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	181.000.000
	Bảo hiểm xã hội	135.000.000
	Bảo hiểm Y tế	23.000.000
	Kinh phí Công đoàn	15.000.000
	Bảo hiểm thất nghiệp	8.000.000
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	75.000.000
	Các khoản khác	75.000.000
	Mục 6500: T/toán d/vụ công cộng	24.000.000
	Tiền điện	18.000.000
	Tiền nước	6.000.000
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	42.000.000
	Văn phòng phẩm	24.000.000
	Tiền vật tư văn phòng khác	18.000.000
	Mục 6600: Thông tin, truyền truyền	9.600.000
	Cước phí điện thoại	6.000.000

Cước phí Internet	3.600.000
Mục 6700: Công tác phí	50.200.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	10.000.000
Phụ cấp công tác phí	4.400.000
Tiền thuê phòng ngủ	8.800.000
Khoản công tác phí	27.000.000
Mục 6750: Chi phí thuê mướn	36.000.000
Thuê lao động trong nước	36.000.000
Mục 6900: Sửa chữa tài sản th/xuyên	36.000.000
Sửa chữa Điều hòa	12.000.000
Sửa chữa máy photo	12.000.000
Sửa chữa máy tính	12.000.000
Mục 7000: Chi phí ng/vụ chuyên môn	24.000.000
Chi mua hàng hóa vật tư	12.000.000
Chi phí nghiệp vụ ngành	12.000.000
Mục 7750: Chi khác	35.200.000
Chi tiếp khách	27.000.000
Chi hỗ trợ các đoàn thể	6.000.000
Chi các khoản khác	2.200.000
Mục 7900: Chi cho các sự kiện lớn	20.000.000
Chi kỷ niệm ngày lễ lớn	20.000.000
B Đặc thù	2.000.000
Mục 7050: Mua sắm TS vô hình	2.000.000
Mua bảo trì phần mềm QLTS	2.000.000

Người lập

Thuyelaun
Bùi Phi Phụng Kiên

Ninh Bình, ngày 02 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



TRƯỞNG PHÒNG
Dặng Xuân Trường